

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**
Bản án số: 25 /2021/HS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Tân.

Thẩm phán: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Trang;

2. Bà Nguyễn Thị Lành;

3. Ông Nguyễn Văn Kiên.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Anh Định - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29- 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2021/HSST, ngày 18 tháng 6 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn H. D**, sinh năm 1994; tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: Số A, khóm B, t. t. L. H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn V. K và bà Nguyễn T. T. L; có vợ Võ T. T. T (ly hôn 2016) và 01 con, sinh năm 2015; tiền sự: không.

Tiền án: ngày 31/3/2017 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 05 năm tù về tội: “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương vào tháng 9/2020.

Bị cáo ra đầu thú, rồi bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2020 cho đến nay – có mặt.

2. **Nguyễn T. P**, sinh năm 1999; tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: ấp B. T, xã B. P, huyện C, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: khóm A, t. t. L. H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam;

tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N. D và bà Võ T. T. D; anh chị em ruột: có 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền sự: không.

- Tiền án: ngày 26/4/2019 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương vào ngày 31/7/2020.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2020 cho đến nay – có mặt.

3. **Nguyễn H. N**, sinh năm 1998; tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp P. T, xã B. P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn V. T và bà Lâm T. K; anh chị em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất là bị cáo; tiền sự: không.

- Tiền án: ngày 31/6/2017 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm 06 tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm, về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2020 cho đến nay – có mặt.

4. **Hà M. Đ**, sinh năm 1999; tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp A. L, xã L. A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà V. T và bà Trần T. M. T; anh chị em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2020 cho đến nay – có mặt.

5. **Ngô B. H. H**, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2002; tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: Số A, khóm D, t. t. L. H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô T. V. C và bà Lê T. M. H; anh chị em ruột: không; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2020 cho đến nay – có mặt.

6. **Nguyễn V. T**, sinh năm 1999; tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp A. L, xã L. A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn V. Đ và bà Lê T. K. H; anh chị em ruột: không; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2020 cho đến nay – có mặt.

7. **Nguyễn Q. T**, sinh năm 1999; tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp P. L, xã B. P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Q. T và bà Nguyễn T. H. T; anh chị em ruột: có 2 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2020 cho đến nay – có mặt.

8. **Nguyễn T. T. D**, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2002; tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp A. T, xã P.Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ

học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn V. P và bà Trần T. T. M; anh chị em ruột: có 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2020 cho đến nay – có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo:

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn H. D:*

Ông Trần Hồ Nam – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Trần Nam và Cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long bào chữa cho bị cáo Nguyễn H. D – đã hủy hợp đồng.

Ông Lưu Thanh Phong – Luật sư của Công ty luật Phong Quang, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn H. D - Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn T. P:*

Ông Trần Chính Thống - Luật sư của Văn phòng luật sư Trần Bá Tước, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn T. P - Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn H. N:*

1. **Ông Nguyễn Văn Hòa** - Luật sư của Công ty Luật TNHH Nhật Lý, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long bào chữa cho bị cáo Nguyễn H. N - Có mặt.

2. **Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ** - Luật sư của Công ty Luật TNHH Nhật Lý, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn H. N - Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hà M. Đ:*

Ông Tô Vĩnh Hòa - Luật sư của Công ty Luật TNHH Nhật Lý, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long bào chữa chỉ định cho bị cáo Hà M. Đ - Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Ngô Bửu H. H:*

Ông Nguyễn Văn Tiến Dũng – Luật sư của Văn phòng luật sư Lê Hồng Nhung, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long bào chữa chỉ định cho bị cáo Ngô B. H. H – có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn V. T:*

Ông Võ Tấn Trung – Luật sư của Văn phòng luật sư Văn Sỹ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn V. T - Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Q. T:*

Ông Nguyễn Văn Diệu – Luật sư của Văn phòng luật sư Năn giờ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Q. T - Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn T. T. D:*

Ông Trần Quang Huy Cường – Luật sư của Công ty luật Phong Quang, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn T. T. D - Có mặt.

Bị hại: Nguyễn V. P, sinh năm 1980 (chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Nguyễn V. T, sinh năm 1952.

Nơi cư trú: Số B, Nguyễn C. T, phường 5, thành phố V. L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà **Nguyễn T. H**, sinh năm 1985 – có mặt.

Nơi cư trú: B, Nguyễn C. T, phường 5, thành phố V. L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn V. T là bà Nguyễn T. H theo văn bản ủy quyền ngày 18/5/2021.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. **Nguyễn V. K**, sinh năm 1968 – có mặt.

Nơi cư trú: khóm A , t. t. L. H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2. **Nguyễn V. Đ**, sinh năm 1971 – có mặt.

Nơi cư trú: ấp A. L, xã L. A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

3. **Võ T. T. D**, sinh năm 1979 – vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp B. T, xã B. P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. **Ngô T. V. C**, sinh năm 1976 – có mặt.

Nơi cư trú: Sô B, khóm 5, t.t. L. H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

5. **Hà V. T**, sinh năm 1974 – có mặt.

Nơi cư trú: ấp A. L, xã L. A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

6. **Nguyễn N. D**, sinh năm 1986 – có mặt.

Nơi cư trú: ấp L.T, xã L. P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

7. **Nguyễn T. K. T**, sinh năm 1994 – có mặt.

Nơi cư trú: ấp B. T, xã H. T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

8. **Trần T. T. M**, sinh năm 1973 – có mặt.

Nơi cư trú: ấp A. T, xã P. Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

9. **Trịnh N. H. K**, sinh năm 1993 – có mặt.

Nơi cư trú: ấp B. T, xã H. T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

10. **Phạm G. B**, sinh 21/6/2003– có mặt.

11. **Phạm T. V**, sinh năm 1980 – có mặt.

12. **Lê N. D.T**, sinh năm 1982 – có mặt.

Cùng nơi cư trú: ấp R. N, xã T. H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

13. **Phan T. T** – vắng mặt.

Nơi cư trú: khóm M, t. t. M. A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn H. D là người làm thuê cho anh Phạm T. V, sinh năm 1980, ngụ ấp R. N, xã T. H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long từ tháng 10/2020 với công việc là phân loại tôm và giao tôm cho bạn hàng ở chợ Vĩnh Long. Trong quá trình làm thuê cho anh V, D nhiều lần chứng kiến Nguyễn V. P (tên gọi khác: T. B. Đ), ức hiếp anh V trong quá trình làm ăn và gây khó dễ cho D trong việc giao tôm, nên D rất bức xúc, tức giận. Vào đêm 25 rạng sáng ngày 26/12/2020 Ngô B. H. H đang điều khiển xe mô tô chở Nguyễn T. P về nhà trọ của P ở t. t. L. H, huyện L thì Phát nhận được điện thoại của D gọi đến nói “D có chuyện” và kêu P đến nhà của D lấy con dao (mã tấu) và đem xe mô tô hiệu EXCITER biển số 66M1-369.22 của D lên cho D, biết D “có chuyện” là đánh chém nhau, nên Phát có điện thoại rủ thêm Nguyễn H. N nói là “D có chuyện” để cùng đi, lúc nghe điện thoại của P thì N đang đánh bida cùng với Nguyễn V. T, Hà M. Đ và Nguyễn N. Q ở nhà hàng V. Q gần cầu Kinh Mới trên đường tỉnh 909, sau đó cả nhóm nghỉ, T điều khiển xe Future biển số 64B2-273.04 chở Đ và Q để đưa Q về nhà; cùng lúc đó Nguyễn Q. T đến và điều khiển xe mô tô biển số 64G1 – 334.62 chở N đi xuống chợ Vĩnh Long tìm D. Sau khi điện thoại cho N thì Phát và H tiếp tục điện thoại cho Nguyễn T. T. D kêu D “*đưa 03 cây dao để đi công chuyện*” (03 cây dao này H và P trước đó đã để lại ở nhà D) biết đưa dao cho H và P đi công chuyện là dùng để đánh chém nhau nhưng D vẫn mang 03 con dao ra vòng xoay của Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long để cho họ đi giải quyết công chuyện. Sau khi đưa Q về nhà, T chở Đ quay lại ngã tư đèn xanh đèn đỏ - điểm giao nhau giữa đường Ba Tháng Hai với đường Hưng Đạo Vương ở phường 1, thành phố Vĩnh Long thì gặp T chở N, H chở P, tại đây Phát đưa cho Đ 01 cây dao, N 01 cây dao; còn P giữ 02 cây dao, cả nhóm sau khi được P đưa dao biết là đi đánh chém nhau với người khác, mặc dù không biết người thanh niên là ai, mâu thuẫn như thế nào với D, nhưng vì D tất cả vẫn đồng ý đi tìm người thanh niên có mâu thuẫn với D để đánh chém nhau, sau đó cả nhóm đi tìm và gặp D ở bến xe thành phố V. L thuộc phường B, thành phố V. L, khi gặp D thì P tiếp tục đưa cho D cây mã tấu, D lên xe ngồi cùng với P để H chở đi tìm Nguyễn V. P (T. B. Đ), T chở N, T chở Đ chạy theo sau.

Khi đến nhà thuốc tây T, địa chỉ số B, đường C. L, phường B, thành phố V. L, D thấy P (T.B. Đ) đang đi bộ, nên kêu H dừng xe lại xuống xe cầm dao xông vào chém trúng vào tay, vai và lưng của P, P, N và Đ cũng xuống xe dùng dao chém P còn H, T và T thì ngồi ngoài xe mô tô đợi. Sau khi chém P nằm gục bất tỉnh trên đường, cả nhóm lên xe tẩu thoát khỏi hiện trường. Nguyễn V. P được người dân đưa đến Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long cấp cứu, đến 08 giờ 30 phút thì P tử vong. Ngày 27/10/2020 Nguyễn H. D ra đầu thú tại Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Vĩnh Long.

Kết luận giám định pháp y tử thi số: 629/KLGD – PC09, ngày 28/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận: nguyên nhân chết của tử thi Nguyễn V. P là do sốc mất máu cấp bởi vết thương đứt lìa sắc gọn động tĩnh mạch cánh tay trái (vết 7) và kết hợp nhiều vết thương khác (06 vết).

Kết luận giám định số: 334/C09B, ngày 02/3/2021 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận về đối tượng giám định: trên lưỡi dao dài 66,5cm có dính máu người, phân tích ADN từ dấu vết máu này được một kiểu gen nam giới hoàn chỉnh, trùng kiểu gen của Nguyễn V. P.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị can phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai người đại diện hợp pháp của người bị hại, người làm chứng, đồ vật, tài liệu đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đối với Nguyễn N. Q có đánh bida chung sau đó về nhà, không biết các đối tượng T, Đ và N tham gia cùng đồng phạm thực hiện hành vi chém người khác dẫn đến tử vong, nên việc Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Vĩnh Long không xem xét xử lý Nguyễn N. Q về tội “*Không tố giác tội phạm*” là có căn cứ.

Đối với Phạm T. V không xúi giục, không liên quan đến việc Nguyễn H. D cùng đồng phạm tham gia chém người dẫn đến tử vong, mà do D cảm thấy bức xúc trước hành vi của Nguyễn V. P nên tự ý thực hiện, do đó Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Vĩnh Long không xem xét xử lý Phạm T. V đồng phạm với Nguyễn H. D là có căn cứ.

*** Về thu giữ đồ vật, tài liệu:** trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ các đồ vật, tài liệu gồm:

+ 01 Mũ lưỡi trai có in logo dòng chữ “bạn hữu đường xa”, 01 chiếc dép kẹp màu xanh;

+ 03 (ba) cây dao bằng kim loại màu trắng, có cùng kích thước dài 50cm, lưỡi dao dài 39cm, cán dao dài 11cm, bề rộng lưỡi dao dài 04cm được niêm phong trong túi niêm phong có mã số NS1A 0039472;

+ 01 (một) cây dao bằng kim loại màu trắng dài 66,5cm, cán dao có ốp nhựa đen hai bên dài 17cm, có một phần nhựa ở cán dao bị bể mất, dao có một bề lưỡi sắc bén và sóng lưng, gần phần cán dao ở sóng lưng có hình răng cưa, dao có mũi bầu nhọn, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 4,5cm;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu VSMART, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 041456;

+ 01 (một) xe mô tô biển số 66M1-369.22, nhãn hiệu EXCITER do Nguyễn Hoàng Dương làm chủ sở hữu;

+ 01 (một) giấy CMND số 312428331 mang tên Nguyễn Tiến Phát;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049495;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049494;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049497;

+ 01 (một) xe mô tô biển số 64G1-334.62, nhãn hiệu Future do Nguyễn Q. T làm chủ sở hữu;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049485;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049496;

+ Đoạn clip camera ghi hình ảnh liên quan vụ án niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049486;

+ 01 (một) xe mô tô biển số 64B2-273.04, nhãn hiệu Future do Nguyễn V. Đ (cha của bị cáo T) làm chủ sở hữu;

Đối với xe mô tô biển số 64B2-273.04, nhãn hiệu Future do Nguyễn V. Đ làm chủ sở hữu, do Nguyễn V. T tự ý lấy xe đi chơi sau đó chở đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội mà ông Đ không biết. Xét thấy việc trả lại phương tiện cho chủ sở hữu không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên ngày 17/3/2021 Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Vĩnh Long đã trả lại xe mô tô biển số 64B2-273.04, nhãn hiệu Future cho ông Nguyễn V. Đ là có căn cứ.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

+ Chị Nguyễn T. H (vợ của Nguyễn V. P) là người đại diện hợp pháp cho P yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường các khoản với tổng số tiền: **709.550.892đ** (Bảy trăm lẻ chín triệu năm trăm năm mươi ngàn tám trăm chín mươi hai đồng). Các bị cáo đã tác động gia đình khắc phục được số tiền **110.000.000đ** (một trăm mười triệu đồng), trong đó gia đình bị cáo P nộp **10** triệu, gia đình bị cáo N nộp **20** triệu, gia đình bị cáo Đ nộp **20** triệu, gia đình bị cáo T nộp **20** triệu, gia đình bị cáo H nộp **05** triệu, gia đình bị cáo D nộp **15** triệu. Số tiền bồi thường còn lại các bị cáo đồng ý bồi thường theo quyết định của Tòa án.

Tại Bản cáo trạng số: 25/CT-VKS-P1 ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã truy tố để xét xử bị cáo về tội “Giết người” theo khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Truy tố bị cáo Nguyễn H. D về tội “Giết người” quy định tại các điểm n,p khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình Sự.

Truy tố các bị cáo Nguyễn T. P, Nguyễn H. N, Hà M. Đ, Ngô B. H. H, Nguyễn Q. T, Nguyễn V. T, Nguyễn T. T. D về tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Tòa Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác trình bày như sau:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Trong quá trình làm thuê cho anh Phạm T. V, Nguyễn H. D nhiều lần chứng kiến Nguyễn V. P (tên gọi khác: T. B. Đ) ức hiếp anh V trong quá trình làm ăn và gây khó dễ cho D trong việc giao tôm nên D rất bức xúc, tức giận. Vào đêm 25 rạng sáng ngày 26/12/2020 D điện thoại cho Nguyễn T. P đang đi cùng với Ngô B. H. H. nói “D có chuyện” và kêu P đến nhà của D lấy con dao (mã tấu) và đem xe mô tô hiệu EXCITER biển số 66M1-269.22 của D lên cho D, biết D nói “có chuyện” là đánh chém nhau, nên P có điện thoại rủ thêm Nguyễn H. N nói là “D có chuyện”, Nguyễn V. T, Hà M. Đ và Nguyễn Q. T đang ở cùng với N biết chuyện nên đi cùng N. Sau khi điện thoại cho N thì P và H tiếp tục điện thoại cho Nguyễn T. T. D kêu D “*đưa 03 cây dao để đi công chuyện*”, biết đưa dao cho H và P đi công chuyện là dùng để đánh chém nhau, nhưng D vẫn mang 03 con dao ra vòng xoay của Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long để cho họ đi giải quyết công chuyện.

Cả nhóm, sau đó gặp nhau ngã tư đèn xanh đèn đỏ - điểm giao nhau giữa đường 3 tháng 2 với đường Hưng Đạo Vương ở phường B, thành phố V. L, tại đây P đưa cho Đ 01 cây dao, N 01 cây dao còn P giữ 02 cây dao, sau khi được P đưa dao biết là đi đánh chém nhau với người khác, mặc dù không biết người mâu thuẫn như thế nào với D nhưng, vì D tất cả vẫn đồng ý đi tìm người đó để đánh chém nhau.

Sau khi gặp D cả nhóm đi tìm Nguyễn V. P, khi đến tiệm thuốc tây T. D, địa chỉ số 2-4, đường Chi Lăng, phường B, thành phố V. L, D thấy P đang đi bộ nên kêu H dừng xe lại, xuống xe cầm dao xông vào chém trúng vào tay, vai và lưng của P; P, N và Đ cũng xuống xe dùng dao chém P; còn H, T và T thì ngồi ở xe mô tô đợi. Sau khi chém P nằm gục bất tỉnh trên đường cả nhóm lên xe tẩu thoát khỏi hiện trường. Nguyễn V. P được người dân đưa đến Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long cấp cứu đến 08 giờ 30 phút thì tử vong.

Kết luận giám định pháp y tử thi số: 629/KLGĐ – PC09, ngày 28/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận: nguyên nhân chết của tử thi Nguyễn V. P là do sốc mất máu cấp bởi vết thương đứt lìa sắc gọn động tĩnh mạch cánh tay trái (vết 7) và kết hợp nhiều vết thương khác (06 vết).

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, trong đó các bị cáo D, P, N và Đ thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành, nhận thức được hành vi dùng dao, mã tấu là hung khí nguy hiểm chém nhiều nhất vào người khác có thể dẫn đến tử vong, nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện và hậu quả là nạn nhân đã tử vong. Các bị cáo H, T, T và D thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức, mặc dù biết đưa dao cho đồng phạm đi chém người, chờ người khác đi chém người có thể dẫn đến tử vong, nhưng vẫn thực hiện hành vi giúp sức cho các đồng phạm và thực tế đồng phạm đã chém người khác dẫn đến tử vong.

Trên cơ sở đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn H. D, Nguyễn T. P, Nguyễn H. N, Hà M. Đ, Ngô B. H. H, Nguyễn Q. T, Nguyễn V. T và Nguyễn T. T. D phạm tội: Giết Người.

Áp dụng các điểm n, p khoản 1 Điều 123, điểm b,s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 39 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn H. D.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn H. D tù chung thân năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/12/2020.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với 2 bị cáo Nguyễn T. P và Nguyễn H. N.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn T.P 18 - 20 năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/12/2020.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn H. N 16 - 18 năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2020.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, các điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hà M. Đ 12 - 14 năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2020.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, các điểm b,s khoản 1, Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Ngô Bửu Huy Hoàng.

Xử phạt: Bị cáo Ngô B. H. H 09 - 11 năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2020.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, các điểm b,s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Quốc Tân.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Q. T 07 - 09 năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2020.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, các điểm b,s khoản 1, Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Thương, Nguyễn Thị Tuyết Dung.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn V. T 07 – 09 năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2020.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn T. T. D 06 - 08 năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2020.

Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 luật tố tụng Hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy các công cụ liên quan đến việc phạm tội như sau:

+ 01 cái mũi lưỡi dao có in logo dòng chữ bạn hữu đường xa, 01 chiếc dép kẹp màu xanh;

+ 03 (ba) cây dao bằng kim loại màu trắng, có cùng kích thước dài 50cm, lưỡi dao dài 39cm, cán dao dài 11cm, bề rộng lưỡi dao dài 04cm được niêm phong trong túi niêm phong có mã số NS1A 0039472;

+ 01 (một) cây dao bằng kim loại màu trắng dài 66,5cm, cán dao có ốp nhựa đen hai bên dài 17cm, có một phần nhựa ở cán dao bị bể mất, dao có một bề lưỡi sắc bén và sóng lưng, gần phần cán dao ở sóng lưng có hình răng cưa, dao có mũi bầu nhọn, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 4,5cm;

Đề nghị tịch thu sung quỹ cá công cụ phương tiện liên quan đến việc phạm tội gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu VSMART, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 041456;

+ 01 (một) xe mô tô biển số 66M1-369.22, nhãn hiệu EXCITER do Nguyễn H. D làm chủ sở hữu;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049495 mà Khánh đã cho N;

+ 01 (một) xe mô tô biển số 64G1-334.62, nhãn hiệu Future do Nguyễn Q. T làm chủ sở hữu;

Áp dụng Điều 48, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự đề nghị trả lại các tài sản sau cho chủ sở hữu không liên quan đến vụ án:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG của Hà M. Đ, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049494;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG của Nguyễn Q. T, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049497;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE của Nguyễn V. T niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049485;

+ 01 (một) giấy CMND số 312428331 mang tên Nguyễn T. P.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE của Nguyễn T. T. D, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049496 cho chị Phạm T. T. M.

Theo biên bản ghi nhận vật chứng ngày 21/6/2021 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Vĩnh Long với Cục thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Về trách nhiệm dân sự: chị Nguyễn T. H là vợ của anh Nguyễn V. P là người đại diện hợp pháp cho P yêu cầu các bị cáo bồi thường các khoản với tổng số tiền là 709.550.892 đồng, gồm các khoản chi phí sau:

Việc cứu chữa điều trị tại bệnh viện gồm 17.550.892 đồng, đây là khoản tiền có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Mai táng phí ăn uống là 60.000.000 đồng. đây là khoản tiền hợp lý cũng đã được các bị cáo tại phiên tòa hôm nay đồng ý, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

Tiền cấp dưỡng nuôi con đến khi tròn 18 tuổi là 132.000.000 đồng khoản tiền này cũng được các bị cáo đồng ý, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền tổn thất tinh thần là 500.000.000 đồng đây là số tiền quá cao so với quy định của nhà nước là không quá 100 lần mức lương cơ sở do nhà nước quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo đúng quy định của pháp luật.

Áp dụng Điều 48, các Điều 585, Điều 586, Điều 287 và Điều 591 của Bộ luật Hình sự. Nghị quyết 03/NQ, ngày 08/7/2016 Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, về hướng dẫn quy định một số quy định luật Dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, đề nghị tòa án chấp nhận các khoản như trên tổng cộng là: 358.550.892 đồng (ba trăm năm mươi tám triệu năm trăm năm chục ngàn tám trăm chín mươi hai đồng)

Do các bị cáo đã khắc phục được số tiền là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) vì vậy buộc các bị cáo căn cứ vào tính chất mức độ về vai trò trong vụ án, liên đới bồi thường cho bị hại với số tiền tiếp tục là 248.550.892 đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu năm trăm năm chục ngàn tám trăm chín mươi hai đồng)

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các điểm a, c, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm đúng theo quy định pháp luật.

1/ Bị cáo Nguyễn H. D trình bày: do tức giận việc anh P nhận tiền hàng đêm, những lần vợ anh V không đưa tiền, thì anh P chửi và đe dọa, nên bị cáo kêu P đem xe và dao lên. Khi P lên có đem dao và một số người rồi bị cáo cùng cả nhóm tìm và chém anh P chết. Bị cáo đã biết tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Luật sư Lưu Thanh Phong trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Nguyễn H D: hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ ràng, nên không tranh luận về tội danh. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến vụ án xuất phát từ mâu thuẫn giữa bị cáo D với bị hại. Bị cáo thật thà khai báo, tác động gia đình bồi thường cho bị hại. Ông nội của bị

cáo là người có công. Cuối cùng đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn.

2/ Bị cáo Nguyễn T. P trình bày: Khi nhận được điện thoại từ D bị cáo biết sẽ đánh nhau, nên bị cáo lấy xe, dao và kêu gọi một số đồng phạm để giúp D giải quyết mâu thuẫn. Bị cáo đưa dao cho N, Đ và D. Bị cáo có chém vào người của anh P. Bị cáo tác động mẹ là bà Võ T.T. D đã nộp 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Luật sư Trần Chính Thống trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Nguyễn T P: hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ ràng, không tranh luận về tội danh và điều luật truy tố đối với các bị cáo. Bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại. Bị cáo chỉ chém 1 nhát và vết chém này cũng không trực tiếp gây ra cái chết của nạn nhân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý gián tiếp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trường hợp của bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo P.

3/ Bị cáo Nguyễn H. N trình bày: bị cáo có dùng dao chém bị hại. Bị cáo tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại với số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo biết tội xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Các luật sư trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Nguyễn H. N:

* Luật sư Nguyễn Văn Hòa trình bày: không tranh luận tội danh và điều luật xét xử đối với bị cáo N. Bị cáo giữ vai trò đồng phạm, thống nhất các tình tiết giảm nhẹ như vị Kiểm sát viên đã nêu. Tuy nhiên, mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị quá cao, đề nghị chỉ xử phạt bị cáo từ 14 đến 16 năm tù.

Về vật chứng: do bị cáo và anh K trình bày chiếc điện thoại bị thu giữ là anh K đưa cho bị cáo sử dụng, khi bị cáo có điều kiện mua điện thoại thì trả lại điện thoại này cho anh K. Do đó, đề nghị trả lại điện thoại cho anh K.

* Luật sư Nguyễn Thị Thanh Mỹ trình bày: thống nhất với quan điểm của luật sư đồng nghiệp bào chữa cho bị cáo N. Bị cáo đã biết tội rất mong đại diện bị hại xem lại việc yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự và trách nhiệm bồi thường.

4/ Bị cáo Hà Minh Đoàn trình bày: bị cáo đứng cách bị hại 01 xe tải, nên bị cáo dùng dao chém một cái nhưng không trúng bị hại. Bị cáo thật thà khai báo, tác động gia đình bị cáo nộp được số tiền 20.000.000 đồng để bồi thường cho phía bị hại. Ông bà nội của bị cáo có công cách mạng, bản thân bị cáo tham gia trong quân đội được tặng Giấy khen. Bị cáo xin giảm nhẹ mức án.

* Luật sư Tô Vĩnh Hòa trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Hà Minh Đoàn: vụ án này lỗi của các bị cáo lỗi cố ý gián tiếp. Bị cáo chém không trúng nạn nhân, rồi tự ý nửa chừng chấm dứt hành vi phạm tội. Bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ như Kiểm sát viên đã nêu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, để xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn do Viện kiểm sát đề nghị.

Về bồi thường thiệt hại thì xem xét trên cơ sở vai trò của từng bị cáo.

Về vật chứng thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại di động.

5/ Bị cáo Ngô B. H. H trình bày: bị cáo chở bị cáo P đem dao, xe cho D và chở Phát, D đi tìm bị hại. Bị cáo không có chém bị hại, bị cáo đã biết tội, bị cáo đã tác động gia đình nộp được 5.000.000 đồng, để khắc phục hậu quả. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Luật sư Nguyễn Văn Tiên Dũng trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Ngô B. H. H: bị cáo giữ vai trò giúp sức trong vụ án. Bị cáo thật thà khai báo, gia đình khó khăn cũng tác động nộp được số tiền 5.000.000 đồng, để khắc phục hậu quả. Bị cáo phạm tội lần đầu; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chỉ phạt bị cáo 05 năm tù.

6/ Bị cáo Nguyễn V. T trình bày: bị cáo chở Đ lên Vĩnh Long bị cáo thấy P đưa dao cho Đ rồi cùng nhau tìm người mâu thuẫn với D. Bản thân bị cáo không có chém bị hại, bị cáo tác động gia đình đã nộp số tiền 20.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Luật sư Võ Tấn Trung trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Nguyễn V. T: bị cáo T chỉ phạm vào khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự, bởi vì bị cáo phạm tội không có tính chất côn đồ, bị cáo phạm tội lần đầu, căn cứ án lệ số 17/2018 về tình tiết “có tính chất côn đồ” trong tội “giết người” của Tòa án nhân dân tối cao thì rõ ràng, vai trò của bị cáo thấp. Bản thân tác động gia đình đã nộp số tiền 20.000.000 đồng cho gia đình bị hại. Đề nghị Hội đồng xem xét trường hợp của bị cáo.

7/ Bị cáo Nguyễn Q. T trình bày: bị cáo chở N lên bến xe buýt phường 1, thành phố Vĩnh Long, bị cáo thấy P đưa con dao cho bị cáo N. Rồi cùng nhau chạy xe đi tìm bị hại, bị cáo không có chém bị hại, bị cáo tác động gia đình nộp số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, bị cáo thật thà khai báo, ăn năn xin giảm nhẹ hình phạt.

* Luật sư Nguyễn Văn Diệu trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Q. T: không thống nhất cáo trạng truy tố bị cáo tình tiết có tính chất côn đồ, mà bị cáo phạm tội khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự, vai trò bị cáo thấp chỉ giúp sức chở đồng phạm gây án, bản thân bị cáo thật thà khai báo, đã tác động gia đình để bồi thường cho gia đình bị hại 20.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xem xét trường hợp của bị cáo.

8. Bị cáo Nguyễn T. T. D trình bày: bị cáo chỉ có đưa cho P và H 03 con dao, mà trước đó bị cáo biết đưa dao cho đồng phạm đi chém nhau. Bị cáo cũng tác động gia đình nộp số tiền 15.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại. Bị cáo Xin Hội đồng xét xử xem xét vai trò, tội danh của bị cáo vì tuổi bị cáo còn rất nhỏ mà khởi tố bị cáo là tội danh giết người là quá nặng cho bị cáo.

* Luật sư Trần Quang Huy Cường trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Nguyễn T. T. D: bị cáo chỉ cung cấp dao cho các đồng phạm gây án, vai trò bị cáo

thứ yếu, bị cáo tác động gia đình bồi thường cho phía bị hại. Đề nghị xem xét cho bị cáo.

Đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: yêu cầu xử lý các bị cáo mức án cao nhất. Về bồi thường yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng cộng: 709.550.892 đồng.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày:

1. Ông Nguyễn V. K trình bày: ông đã bồi thường cho đại diện bị hại được 20.000.000 đồng, ông nội của bị cáo D là thương binh hạng A. Ông xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D.

2. Ông Nguyễn V. Đ trình bày: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T để sớm trở về chăm sóc cha mẹ, vì ông là người tàn tật .

3. Ông Ngô T. V. C trình bày: ông đã nộp được 5.000.000 đồng bồi thường cho bị hại. Ông xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

4. Hà V. T trình bày: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

5. Nguyễn N. D trình bày: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q. T.

6. Nguyễn T. K. T trình bày: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

7. Trần T. T. M trình bày: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D.

8. Trịnh N. H. K trình bày: chiếc điện thoại anh mua rồi đưa cho bị cáo N sử dụng.

9. Phạm T. V, Lê N. D và Phạm G. B trình bày: việc bị cáo D gây án hoàn toàn không biết, do bị cáo D tự làm. Chiếc xe mô tô gia đình đã bán cho D số tiền 18.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng; gia đình không yêu cầu bị cáo trả tiếp.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

1/ *Bị cáo Nguyễn H. D nói lời nói sau cùng:* cho bị cáo xin lỗi gia đình các bị cáo và con xin lỗi cha vì tất cả những chuyện con gây ra làm cho cha buồn. Bị cáo xin gửi lời xin lỗi đến gia đình bị hại vì đã cướp đi mạng sống của chồng chị, tôi đã biết lỗi, tôi mong chị tha thứ lỗi cho tội.

2/ *Bị cáo Nguyễn T. P nói lời nói sau cùng:* bị cáo xin lỗi chi H và bé K một lời chân thành, tại bị cáo tuổi còn quá nhỏ, thiếu hiểu biết và suy nghĩ, nên bị cáo mới cướp đi mạng sống của anh T, mong chị xem xét lại xin giảm nhẹ cho các bị cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm án cho bị cáo.

3/ *Bị cáo Nguyễn H. N nói lời nói sau cùng:* bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, tại vì sự bông bột của bị cáo đã gây hậu quả nghiêm trọng, gây đau thương cho gia đình bị hại, mong gia đình bị hại tha lỗi cho bị cáo, bị cáo đã biết ăn năn và biết hối cải vì những hành vi của mình đã gây ra cho gia đình bị hại, mong gia đình bị hại xin quan tòa giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo thành khẩn xin lỗi gia đình bị

hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình làm lại con người mới để kiếm tiền khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại.

4/ Bị cáo Hà M D nói lời nói sau cùng: bị cáo xin lỗi gia đình bị hại vì tuổi còn trẻ nên đã phạm tội; bị cáo biết ăn năn, hối cải vì đã làm chết anh T, mong gia đình chị H tha thứ cho bị cáo. Trong thời gian tạm giam bị cáo đã thấy những hành vi của bị cáo là sai. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt sớm được hòa nhập cộng đồng xã hội và gia đình, đi làm để giúp gia đình khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại.

5/ Bị cáo Ngô B. H. H nói lời nói sau cùng: bị cáo xin lỗi gia đình bị hại vì bị cáo còn quá nhỏ bị cáo thiếu suy nghĩ những hành vi bị cáo đã làm, bị cáo mong gia đình bị hại bỏ qua cho bị cáo và tha thứ cho bị cáo sớm trở về với gia đình, để bị cáo làm lại con người của bị cáo. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

6/ Bị cáo Nguyễn V. T nói lời nói sau cùng: bị cáo xin lỗi gia đình bị hại tha lỗi cho bị cáo vì một phút nông nổi mà bị cáo đã gây ra một sự mất mát cho gia đình bị hại. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo sớm trở về để làm lại cuộc đời và phụ giúp cha mẹ vì cha mẹ đã tuổi già sức yếu.

7/ Bị cáo Nguyễn Q. T nói lời nói sau cùng: bị cáo xin lỗi chân thành đến gia đình bị hại, tuy bị cáo không phải là người trực tiếp chém bị hại dẫn đến cái chết làm anh P tử vong, nhưng mà lỗi bị cáo một phần gây ra hậu quả cho gia đình bị hại, bị cáo xin lỗi gia đình bị hại.

8/ Bị cáo Nguyễn T. T. D nói lời nói sau cùng: bị cáo chia buồn và một lời xin lỗi đến gia đình bị hại, trong vai trò của bị cáo chỉ giúp sức, bị cáo cũng không muốn sự việc này xảy ra, bị cáo mong gia đình bị hại xin xem xét giảm nhẹ cho bị cáo và tất cả bị cáo khác. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét lại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về đi làm phụ giúp cha mẹ nuôi em nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Long, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Kiểm sát viên; trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho các bị cáo, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo đã phù hợp cơ bản với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án, vật chứng thu được, bản kết luận, vết tích trên thi thể nạn nhân, cùng các chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, đã đủ cơ sở khách quan để quy kết 08 bị cáo: Nguyễn H. D, Nguyễn T. P, Nguyễn H. N, Hà V. Đ, Ngô B. H. H, Nguyễn Q. T, Nguyễn V. T và Nguyễn T. T. D đều cùng phạm tội: giết người, theo Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất của vụ án đặc biệt nghiêm trọng. Tính mạng của con người là vốn quý của xã hội, được pháp luật hình sự bảo vệ nhằm tránh khỏi mọi sự xâm hại. Chính các bị cáo đã tước đoạt mạng sống của bị hại một cách trái pháp luật. Do đó, đối các bị cáo cần xử lý tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm, nhằm răn đe, giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo giữ vai trò chính chỉ vì bức xúc việc bị hại có hành động không chuẩn mực, từ đó bị cáo rủ các bị cáo khác cùng nhau dùng dao tự chế chém nhiều nhất làm cho bị hại tử vong, làm cho gia đình nạn nhân mất người thân, cha xa con, vợ xa chồng, con mất cha, nỗi đau không gì bù đắp được. Việc làm của các bị cáo không những đã vi phạm pháp luật, mà còn tạo ra tâm lý hoài nghi lẫn nhau trong nội bộ nhân dân, mà nhất là những người mưu sinh vào ban đêm. Hành động phạm tội của các bị cáo, bị dư luận quần chúng căm phẫn, cực lực lên án và đòi hỏi pháp luật phải xử lý thật nghiêm khắc.

Sau khi các bị cáo tụ tập được 07 bị cáo và 4 con dao, các bị cáo chạy xe vào chợ Vĩnh Long tìm người bị hại, khi vừa gặp bị hại đang đẩy xe tay thì bị cáo chính dùng dao chém nhiều nhất, có 3 bị cáo khác cùng dùng dao chém liên tục, nhiều cái vào cơ thể làm cho bị hại không thể kháng cự phải ngã gục tại chỗ. Các bị cáo thực hiện tội phạm theo kiểu xa hội đen, bất chấp pháp luật. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với các bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và xét hỏi tại phiên tòa các bị cáo thật thà khai báo, tác động và được gia đình nộp 1 số tiền cho cơ quan điều tra để bồi thường thiệt hại cho phía bị hại, nên xem đây là các tình tiết giảm nhẹ 1 phần hình phạt chung cho tất cả 08 bị cáo.

Trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia thực hiện tội phạm, ở đây chỉ là đồng phạm giản đơn, không có tính chất tổ chức. Để phân hóa tội phạm, cần phân tích vai trò của từng bị cáo rồi áp dụng mức hình phạt tương xứng.

Trước tiên là bị cáo Nguyễn H. D bị cáo giữ vai trò chính, bị cáo là người khởi xướng việc gây án, bị cáo lôi kéo các bị cáo khác cùng thực hiện, tập hợp được một số đồng phạm bị cáo là người kêu đồng phạm đi tìm bị hại, bị cáo khi thấy bị hại thì dùng dao chém nhiều nhất vào người bị hại, lúc đó cũng có 3 bị cáo khác cùng chém,

vết thương chính dẫn đến nạn nhân mất máu cấp dẫn đến tử vong xuất phát từ vết chém của bị cáo. Bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn lớn, bị cáo thích dùng vũ lực để giải quyết mâu thuẫn, bất chấp quy tắc xã hội, pháp luật của Nhà nước và xem thường tính mạng của con người bị hại, nên phạm tội thuộc trường hợp có tính chất côn đồ, bị cáo đã bị kết án thuộc loại tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích, lại phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nên lần này phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đây là các tình tiết định khung tăng nặng hình phạt theo các điểm n,p khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo thuộc thành phần không có khả năng cải tạo; do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt tù không có thời hạn. Có như vậy mới đáp ứng được công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm.

Kế đến là bị cáo Nguyễn T. P, sau khi nhận yêu cầu lấy dao và đem xe lên cho bị cáo D để giải quyết mâu thuẫn; lẽ ra bị cáo khuyên răn, ngăn cản hay không thực hiện theo ý kiến của bị cáo D. Ngược lại, bị cáo tiếp nhận ý chí của bị cáo D một cách quá tích cực, ngoài việc lấy hung khí và xe, bị cáo còn tụ tập 04 người bạn nữa; đồng thời bị cáo tiếp tục lấy thêm 03 con dao mà trước đó, bị cáo và bị cáo H đưa cho bị cáo D cất giữ. Bị cáo phân phát dao cho các bị cáo, N, Đ và đưa cho bị cáo D. Khi bị cáo D chém bị hại thì bị cáo tiếp tục chém nhiều nhất. Bản thân bị cáo có 1 tiền án cũng về tội cố ý gây thương tích, lần này ngoài phạm tội có tính chất côn đồ là định khung tăng nặng theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo chỉ giữ vai trò sau bị cáo D, nên mức hình phạt bị cáo ở mức tù có thời hạn, nhưng cao hơn các bị cáo khác là có căn cứ.

Kế đến bị cáo Nguyễn H. N, bị cáo cũng như bị cáo P, phạm tội có tính chất côn đồ và tái phạm, nhưng vai trò của bị cáo thấp hơn bị cáo P, nên mức hình phạt thấp hơn bị cáo P và cao hơn các bị cáo khác.

Tiếp theo là bị cáo Hà V. Đ bị cáo cũng phạm tội có tính chất côn đồ như bị cáo N, vì bị cáo và bị cáo N đều được bị cáo P đưa dao, cùng chém bị hại nhưng bị cáo N chém trúng vào cơ thể bị hại, còn bị cáo do chướng ngại vật là xe tải khoảng cách hơi xa, nên bị cáo chém không trúng bị hại. Bản thân bị cáo và bị cáo N có những người thân có công với nước, được tặng nhiều danh hiệu cao quý; đồng thời, bị cáo có thực hiện nghĩa vụ quân sự, được tặng giấy khen. Do đó, bị cáo giữ vai trò thấp hơn bị cáo N, nên áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để áp dụng mức hình phạt thấp nhất nhưng ở khung hình phạt liền kề là có cơ sở.

Sau cùng là 4 bị cáo Ngô B. H. H, Nguyễn Q. T, Nguyễn V. T và Nguyễn T. T. D, cùng đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực. Trong 4 bị cáo không có trực tiếp dùng hung khí chém người bị hại; trong đó, bị cáo H. H có vai trò cao hơn là chở bị cáo P đến nhà bị cáo D lấy hung khí, chở P tìm bị cáo D, bị cáo còn dùng điện thoại

của bị cáo P gọi điện thoại để yêu cầu bị cáo D đem 03 cây dao ra đưa cho P. Nhưng do bị cáo vừa mới qua tuổi 18 tuổi. Bị cáo D chỉ có hành vi đem hung khí giao cho bị cáo P, còn bị cáo Q. T và bị cáo T chỉ có hành vi chờ đồng phạm để thực hiện tội phạm. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt cho 3 bị cáo T, Q. T và D ngang nhau; còn bị cáo H. H thì cao hơn. Qua phân tích trên thì có 4 bị cáo chỉ giữ vai trò giúp sức, các bị cáo không trực tiếp dùng dao chém bị hại, nhưng tất cả 4 bị cáo đều biết đồng phạm của mình là dùng hung khí nguy hiểm để chém người, các bị cáo hoàn toàn không biết bị hại và cũng không biết người bị hại có mâu thuẫn với bị cáo D như thế nào, nên vẫn xác định các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ. Vì vậy, không chấp nhận lời đề nghị của các Luật sư về việc chuyển khung hình phạt đối với các bị cáo không trực tiếp chém bị hại, mà vẫn xét xử như cáo trạng đã truy tố.

[5] Về bồi thường thiệt hại:

Tại phiên tòa chị Nguyễn T. H đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

- + Chi phí cấp cứu nạn nhân trước khi chết : 17.550.000 đồng.
- + Chi phí mai táng : 60.000.000 đồng.
- + Tiền cấp dưỡng 01 lần để nuôi con bị hại là: 132.000.000 đồng.
- + Tiền bù đắp tổn thất tinh thần : 500.000.000 đồng.

Tại tòa các bị cáo đều đồng ý bồi thường chi phí cứu chữa nạn nhân trước khi chết và đưa nạn nhân về, chi phí mai táng và tiền cấp dưỡng 01 lần nuôi con bị hại.

Xét việc này là do các bên tự thỏa thuận, hợp pháp nên được ghi nhận.

Riêng số tiền bù đắp tổn thất tinh thần chỉ chấp nhận mức cao nhất là 100 lần mức lương cơ sở. Cụ thể, các bị cáo phải bồi thường bao gồm:

- + Chi phí cứu chữa nạn nhân trước khi chết và đưa nạn nhân về: 17.550.000 đ
- + Mai táng phí: 60.000.000 đ.
- + Tiền bù đắp tổn thất tinh thần với số tiền 149.000.000 đồng.
- + Tiền cấp dưỡng 01 lần nuôi con chung của bị hại với Nguyễn T. H là cháu Nguyễn P. K, sinh ngày 18/5/2014, với số tiền 132.000.000đ

Tổng cộng: 358.550.000 đồng.

Trong vụ án có đồng phạm, mức bồi thường dựa trên vai trò của từng bị cáo tham gia, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường như sau:

+ Nguyễn H. D phải bồi thường cao nhất với tỷ lệ 25% x 358.550.000 đồng, là 89.637.500 đồng nhưng được trừ 20.000.000 đồng (T. H nhận trực tiếp), còn phải bồi thường tiếp là 69.637.500 đồng (sáu mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi bảy ngàn, năm trăm đồng).

+ Nguyễn T. P phải bồi thường với tỷ lệ $15\% \times 358.550.000$ đồng, là 53.782.500 đồng nhưng được trừ 10.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải bồi thường tiếp là 43.782.500 đồng (bốn mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

+ Nguyễn H. N phải bồi thường với tỷ lệ $15\% \times 358.550.000$ đồng, là 53.782.500 đồng nhưng được trừ 20.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải bồi thường tiếp là 33.782.500 đồng (ba mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

+ Hà M. Đ phải bồi thường với tỷ lệ $15\% \times 358.550.000$ đồng, là 53.782.500 đồng nhưng được trừ 20.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải bồi thường tiếp là 33.782.500 đồng (ba mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

+ Ngô B. H. H phải bồi thường với tỷ lệ $7,5\% \times 358.550.000$ đồng, là 26.891.250 đồng nhưng được trừ 5.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải bồi thường tiếp là 21.891.250 đồng (hai mươi một triệu, tám trăm chín mươi một ngàn, hai trăm năm mươi đồng) .

+ Nguyễn Q. T phải bồi thường với tỷ lệ $7,5\% \times 358.550.000$ đồng, là 26.891.250 đồng nhưng được trừ 20.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải bồi thường tiếp là 6.891.250 đồng (sáu triệu, tám trăm chín mươi một ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

+ Nguyễn V. T phải bồi thường với tỷ lệ $7,5\% \times 358.550.000$ đồng, là 26.891.250 đồng nhưng được trừ 20.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải bồi thường tiếp là 6.891.250 đồng (sáu triệu, tám trăm chín mươi một ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

+ Nguyễn T. T. D phải bồi thường với tỷ lệ $7,5\% \times 358.550.000$ đồng, là 26.891.250 đồng nhưng được trừ 15.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải bồi thường tiếp là 11.891.250 đồng (mười một triệu, tám trăm chín mươi một ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

[6] Về xử lý vật chứng: tịch thu các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội trả lại các vật tài sản không liên quan đến vụ án, cụ thể:

* Tuyên tịch thu tiêu hủy các vật như sau:

+ 01 cái mũi lưỡi dao có in logo dòng chữ bạn hữu đường xa, 01 chiếc dép kẹp màu xanh;

+ 03 (ba) cây dao bằng kim loại màu trắng, có cùng kích thước dài 50cm, lưỡi dao dài 39cm, cán dao dài 11cm, bề rộng lưỡi dao dài 04cm được niêm phong trong túi niêm phong có mã số NS1A 0039472;

+ 01 (một) cây dao bằng kim loại màu trắng dài 66,5cm, cán dao có ốp nhựa đen hai bên dài 17cm, có một phần nhựa ở cán dao bị bể mất, dao có một bề lưỡi sắc bén và sóng lưng, gần phần cán dao ở sóng lưng có hình răng cưa, dao có mũi bầu nhọn, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 4,5cm;

* Tuyên tịch thu sung công quỹ bao gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu VSMART của Nguyễn H. D, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 041456;

+ 01 (một) xe mô tô biển số 66M1-369.22, nhãn hiệu EXCITER do Nguyễn H. D làm chủ sở hữu;

+ 01 (một) xe mô tô biển số 64G1-334.62, nhãn hiệu Future do Nguyễn Q. T làm chủ sở hữu;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO của Nguyễn H. N, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049495;

* Tuyên giao trả tài sản cho những người có tên sau:

+ Trả cho bị cáo P 01 (một) giấy CMND số 312428331 mang tên Nguyễn T. P;

+ Trả cho ông Hà V. T 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG của Hà M. Đ, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049494;

+ Trả cho bà Nguyễn N. D 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG của Nguyễn Q. T, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049497;

+ Trả cho Nguyễn V. Đ 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE của Nguyễn V. T, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049485;

+ Trả cho bà Trần T. T. M 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE của Nguyễn T. T. D, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049496;

* Tiếp tục lưu giữ đoạn clip camera ghi hình ảnh liên quan vụ án niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049486;

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có xem xét nguyên nhân xảy ra vụ án, các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt, tình hình chính trị tại địa bàn gây án, nên có căn cứ được chấp nhận.

Đối với lời bào chữa của các Luật sư chủ yếu đưa ra các tình tiết đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, nên được chấp nhận. Riêng việc các Luật sư đề nghị chuyển khung hình phạt thì không được chấp nhận.

[8] Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do bị kết án và phải bồi thường thiệt hại nên buộc các bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn H. D, Nguyễn T. P, Nguyễn H. N, Hà M. Đ, Ngô B. H. H, Nguyễn Q. T, Nguyễn V. T và Nguyễn T. T. D đều phạm tội: Giết Người.

Áp dụng các điểm n, p khoản 1 Điều 123, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 39 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn H. D.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn H D mức hình phạt tù chung thân.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/12/2020.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với 2 bị cáo Nguyễn T. P và Nguyễn H. N.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn T. P 20 (hai mươi) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/12/2020.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn H. N 16 (mười sáu) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2020.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, các điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Minh Đoàn.

Xử phạt: bị cáo Hà M. Đ 12 (mười hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2020.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Ngô Bửu Huy Hoàng, Nguyễn Quốc Tân, Nguyễn Văn Thương và Nguyễn Thị Tuyết Dung.

Xử phạt: bị cáo Ngô B. H. H 09 (chín) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2020.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Q. T 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2020.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn V. T 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2020.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn T. T. D 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2020.

2. Về bồi thường thiệt hại: áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 288, các điểm b, c và d khoản 1, khoản 2 Điều 591 của Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn H. D, Nguyễn T. P, Nguyễn H. N, Hà M. Đ, Ngô B. H. H, Nguyễn Q. T, Nguyễn V. T và Nguyễn T. T. D liên đới theo phần, để bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm hại của nạn nhân Nguyễn V. P, có đại diện là bà Nguyễn T. H, tổng cộng là 358.550.000 đồng; bao gồm các khoản sau:

+ Chi phí cứu chữa nạn nhân trước khi chết và tiền xe: 17.550.000 đồng;

+ Mai táng phí hợp lý: 60.000.000 đồng;

+ Tiền bù đắp tổn thất tinh thần: 149.000.000 đồng;

+ Tiền cấp dưỡng 01 lần nuôi con chung của bị hại với Nguyễn T. H là cháu Nguyễn P. K, sinh ngày 18/5/2014, với số tiền: 132.000.000đ

Trong đó, từng bị cáo bồi thường như sau:

+ Nguyễn H. D bồi thường 89.637.500 đồng, nhưng được trừ 20.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải bồi thường tiếp là: 69. 637.500 đồng (sáu mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi bảy ngàn, năm trăm đồng)

+ Nguyễn T. P bồi thường 53.782.250 đồng nhưng được trừ 10.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải bồi thường tiếp là: 43.782.250 đồng (bốn mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

+ Nguyễn H. N bồi thường 53.782.250 đồng nhưng được trừ 20.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải bồi thường tiếp là: 33.782.250 đồng (ba mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

+ Hà M. Đ bồi thường 53.782.250 đồng nhưng được trừ 20.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải bồi thường tiếp là: 33.782.250 đồng (ba mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

+ Ngô B. H. H bồi thường 26.891.250 đồng nhưng được trừ 5.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải bồi thường tiếp là: 21.891.250 đồng (hai mươi một triệu, tám trăm chín mươi một ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

+ Nguyễn Q. T bồi thường 26.891.250 đồng nhưng được trừ 20.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải bồi thường tiếp là: 6.891.250 đồng (sáu triệu, tám trăm chín mươi một ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

+ Nguyễn V. T bồi thường 26.891.250 đồng nhưng được trừ 20.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải bồi thường tiếp là: 6.891.250 đồng (sáu triệu, tám trăm chín mươi một ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

+ Nguyễn T. T. D bồi thường 26.891.250 đồng nhưng được trừ 15.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải bồi thường tiếp là: 11.891.250 đồng (mười một triệu, tám trăm chín mươi một ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Tuyên tịch thu tiêu hủy các vật như sau:

+ 01 cái mũi lưỡi dao có in logo dòng chữ bạn hữu đường xa, 01 chiếc dép kẹp màu xanh;

+ 03 (ba) cây dao bằng kim loại màu trắng, có cùng kích thước dài 50cm, lưỡi dao dài 39cm, cán dao dài 11cm, bề rộng lưỡi dao dài 04cm được niêm phong trong túi niêm phong có mã số NS1A 0039472;

+ 01 (một) cây dao bằng kim loại màu trắng dài 66,5cm, cán dao có ốp nhựa đen hai bên dài 17cm, có một phần nhựa ở cán dao bị bể mất, dao có một bề lưỡi sắc bén và sóng lưng, gần phần cán dao ở sóng lưng có hình răng cưa, dao có mũi bầu nhọn, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 4,5cm;

* Tuyên tịch thu sung công quỹ bao gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu VSMART của Nguyễn H. D, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 041456;

+ 01 (một) xe mô tô biển số 66M1-369.22, nhãn hiệu EXCITER do Nguyễn H. D làm chủ sở hữu;

+ 01 (một) xe mô tô biển số 64G1-334.62, nhãn hiệu Future do Nguyễn Q. T làm chủ sở hữu;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO của Nguyễn H. N, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049495;

* Tuyên giao trả tài sản cho những người có tên sau:

+ Trả cho bị cáo Phát 01 (một) giấy CMND số 312428331 mang tên Nguyễn T. P;

+ Trả cho ông Hà V. T 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG của Hà M. Đ, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049494;

+ Trả cho bà Nguyễn N. D 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG của Nguyễn Q. T, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049497;

+ Trả cho Nguyễn V. Đ 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE của Nguyễn V. T, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049485;

+ Trả cho bà Trần T. T. M 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE của Nguyễn T. T. D, niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049496;

* Tiếp tục lưu giữ đoạn clip camera ghi hình ảnh liên quan vụ án niêm phong trong túi niêm phong số PS3A 049486;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/6/2021)

4. Về án phí: căn cứ Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn H. D phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.481.800 đồng (ba triệu, bốn trăm tám mươi một ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn T. P phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.189.000 đồng (hai triệu, một trăm tám mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn H. N phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.689.000 đồng (một triệu, sáu trăm tám mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Hà M. Đ phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.689.000 đồng (một triệu, sáu trăm tám mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Ngô B. H. H phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.094.000 đồng (một triệu, chín mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Q. T phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 344.000 đồng (ba trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn V. T phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 344.000 đồng (ba trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn T. T. D phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 594.000 đồng (năm trăm chín mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án xử công khai có mặt các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Báo cho tất cả biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo cũng 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hay từ ngày bản án niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TỈNH VL: 01;
- CỤC THADS TỈNH VL: 02;
- THAHS - CÔNG AN TỈNH VL: 01;
- SỞ TƯ PHÁP VL: 01;
- VP CQĐT - CÔNG AN TỈNH VL: 01;
- PHÒNG HỒ SƠ - CÔNG AN TỈNH VL: 01;
- TG + BỊ CÁO: 16;
- ĐD BỊ HẠI: 02;
- Người liên quan: 13;
- UBND tt LH-LH: 02;
- UBND xã LA-LH: 02;
- UBND xã PD-LH: 01;
- UBND xã BP-MT: 02;
- UBND xã BP-CL: 01;
- TNV + P.KTNV&THA: 02;
- LƯU: 04.

đã ký

Lê Thành Tân